BIỂU (TABLE) 2.5:

TUỔI KẾT HÔN TRUNG BÌNH LẦN ĐẦU CỦA NAM VÀ NỮ VÀ CHÊNH LỆCH CỦA SMAM GIỮA NAM VÀ NỮ CHIA THEO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ, VIỆT NAM 2008

SINGULATE MEAN AGE AT MARRIAGE AND DIFFERENTIALS IN SMAM BY SEX, ADMINISTRATIVE UNIT, VIETNAM 2008

Tỉnh/Thành phố Administrative unit	SMAM		Chênh lệch SMAM (Nam-Nữ) Differentials in SMAM (male-female)	Tỉnh/Thành phố Administrative unit	SMAM		Chênh lệch SMAM (Nam-Nữ) Differentials in SMAM (male-female)
	Nam Male	Nữ Female			Nam Male	Nữ Female	
Toàn quốc – Whole country	**26,4**	**23,1**	**3,3**				
01. Tp Hà Nội	27,4	24,1	3,3	32. Tp. Đà Nẵng	29,6	25,2	4,4
02. Hà Giang	23,1	21,5	1,6	33. Quảng Nam	28,8	23,7	5,1
03. Cao Bằng	24,3	21,5	2,8	34. Quảng Ngãi	27,3	23,2	4,1
04. Bắc Kạn	25,5	22,7	2,8	35. Bình Định	27,0	23,3	3,7
05. Tuyên Quang	25,1	22,4	2,7	36. Phú Yên	26,9	23,5	3,4
06. Lào Cai	24,6	22,0	2,6	37. Khánh Hoà	28,6	24,6	4,0
07. Điện Biên	24,0	21,4	2,6	38. Ninh Thuận	27,1	23,2	3,9
08. Lai Châu	22,9	20,9	2,0	39. Bình Thuận	27,6	23,6	4,0
09. Sơn La	23,2	21,1	2,1	40. Kon Tum	25,0	22,6	2,4
10. Yên Bái	24,5	21,0	3,5	41. Gia Lai	25,4	22,0	3,4
11. Hoà Bình	25,3	22,1	3,2	42. Đắk Lắk	25,9	22,6	3,3
12. Thái Nguyên	25,9	22,6	3,3	43. Đăk Nông	25,6	22,3	3,3
13. Lạng Sơn	25,3	23,0	2,3	44. Lâm Đồng	27,1	23,1	4,0
14. Quảng Ninh	27,2	23,0	4,2	45. Bình Phước	25,7	22,1	3,6
15. Bắc Giang	24,3	21,7	2,6	46. Tây Ninh	26,6	22,7	3,9
16. Phú Thọ	25,2	22,1	3,1	47. Bình Dương	26,1	23,6	2,5
17. Vĩnh Phúc	25,3	22,9	2,4	48. Đồng Nai	28,3	25,3	3,0
18. Bắc Ninh	25,1	22,1	3,0	49. Bà Rịa - Vũng Tàu	28,4	24,6	3,8
19. Hải Dương	25,7	22,3	3,4	50. Tp Hồ Chí Minh	28,8	25,4	3,4
20. Tp Hải Phòng	27,2	23,4	3,8	51. Long An	26,6	22,7	3,9
21. Hưng Yên	25,3	21,8	3,5	52. Tiền Giang	26,0	21,6	4,4
22. Thái Bình	25,5	20,9	4,6	53. Bến Tre	26,6	21,9	4,7
23. Hà Nam	25,8	21,8	4,0	54. Trà Vinh	26,3	22,8	3,5
24. Nam Định	26,4	21,6	4,8	55. Vĩnh Long	27,6	24,1	3,5
25. Ninh Bình	25,4	21,4	4,0	56. Đồng Tháp	26,4	23,3	3,1
26. Thanh Hoá	25,5	22,4	3,1	57. An Giang	25,9	22,7	3,2
27. Nghệ An	26,0	22,8	3,2	58. Kiên Giang	26,0	22,7	3,3
28. Hà Tĩnh	27,1	22,9	4,2	59. Tp Cần Thơ	27,4	24,0	3,4
29. Quảng Bình	26,6	22,9	3,7	60. Hậu Giang	26,3	22,7	3,6
30. Quảng Trị	27,8	22,7	5,1	61. Sóc Trăng	26,0	23,3	2,7
31. Thừa Thiên Huế	28,6	24,6	4,0	62. Bạc Liêu	27,0	24,6	2,4
				63. Cà Mau	26,4	23,5	2,9

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor